TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 643/2021/DS-ST

Ngày: 20-5-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ái Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Bà Nguyễn Thị Bính Thân

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh *tham gia phiên tòa*: Bà Đỗ Lê Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 1715/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXX-ST ngày 29/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Địa chỉ: Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần T

Địa chỉ: Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Bị đơn:

- Ông Trần A (Vắng mặt)

Địa chỉ: Nguyễn Huy Lượng, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lê Thị T (Vắng mặt)

Địa chỉ: Nguyễn Huy Lượng, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 8 năm 2019, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 15/01/2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và ông Trần A, bà Lê Thị T có ký kết Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 0232/16/HĐTDTDH-CN/068 với nội dung như sau:

- Số tiền giải ngân: 300.000.000 đồng;

- Mục đích vay: Vay thanh toán tiền mua xe;

- Thời hạn vay: 72 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên;

- Lãi suất cho vay:

+ Lãi suất cho vay trong hạn: 13%/năm, lãi suất này được áp dụng định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay và được điều chỉnh 03 tháng/lần.

+ Mức phạt chậm trả lãi: 150%/năm.

- Phương thức trả nợ:

+ Kỳ hạn trả nợ gốc: 01 tháng/lần vào ngày 26 của tháng, kể từ ngày 26/01/2016, tổng cộng 72 kỳ, số tiền mỗi kỳ phải trả là: 4.166.000 đồng, kỳ cuối là: 4.214.000 đồng.

+ Kỳ hạn trả nợ lãi: 01 tháng/lần vào ngày 26 của tháng.

Để đảm bảo thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên ông Trần A, bà Lê Thị T đã ký kết Hợp đồng thế chấp số 0205/16/HĐBĐ-068 ngày 15/01/2016 với Ngân hàng. Nội dung của hợp đồng là ông A, bà T đồng ý thế chấp chiếc xe ô tô biển số 51F-581.36, nhãn hiệu HUYNDAI, số loại Grand, số máy G3LAFM422148, số khung MALA851ABGM344682, thuộc quyền sở hữu của ông Trần A, bà Lê Thị T cho Ngân hàng. Việc thế chấp này đã được Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 15/01/2016, số đăng ký 1202815432.

Ngày 15/01/2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã giải ngân số tiền 300.000.000 đồng theo đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0232/16/HĐTDTDH-CN/068-ĐNGN-KUNN/01 cho ông Trần A và bà Lê Thị T.

Do ông A, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu ông Trần A và bà Lê Thị T phải thanh toán toàn bộ nợ vay trước thời hạn cho Ngân hàng. Thực tế hiện nay, Ngân hàng không liên hệ được với ông A, bà T và không kiểm soát được đối với chiếc xe ô tô là tài sản thế chấp.

Tính đến ngày 29/5/2019, ông Trần A, và bà Lê Thị T còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền là 236.719.449 đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 195.850.000 đồng
- Lãi trong hạn : 28.787.921 đồng
- Lãi quá hạn : 12.081.528 đồng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu ông Trần A, bà Lê Thị T phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 29/5/2019 ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng từ ngày 30/5/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Trần A, bà Lê Thị Tkhông thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Thi hành án phát mãi tài sản của ông A, bà T là xe ô tô Huyndai Grand I10 biển số 51F-581.36, số máy: G3LAFM422148; số khung: MALA851ABGM344682 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cấn trừ nghĩa vụ của ông A, bà T. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông A, bà T thì của ông A, bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi hết nợ.

* *Bị đơn ông Trần A và bà Lê Thị T* đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 01/9/2020, 30/9/2020 nhưng ông A, bà T vắng mặt không lý do.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2015. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và ông Trần A, bà Lê Thị T là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Theo kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường A, quận B: Bị đơn ông Trần A, bà Lê Thị T có đăng ký thường trú tại số Nguyễn Huy Lượng, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, bà T đang thực tế cư trú tại địa chỉ trên, riêng ông A không còn ở địa phương. Theo thông tin gia đình vợ cung cấp thì A tạm trú tại chung cư A, đường B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả cung cấp chứng cứ của Công an phường C, Quận D thì ông Trần A không đăng ký tạm trú hay thực tế cư trú tại địa chỉ trên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trần A và bà Lê Thị T tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử lần nhất vào ngày 22/4/2021 và lần thứ hai vào ngày 20/5/2021 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Trần A và bà Lê Thị T.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu thu hồi nợ trước hạn và yêu cầu ông Trần Avà bà Lê Thị T thanh toán số tiền vốn vay là 195.850.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 0232/16/HĐTDTDH-CN/068 ngày 15/01/2016 và Khế ước nhận nợ số 0232/16/HĐTDTDH-CN/068-ĐNGN-KUNN/01 ngày 15/01/2016 cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định ông Trần A và bà Lê Thị T đã vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 300.000.000 đồng với mục đích mua xe ô tô. Tính đến ngày 20/5/2021, ông A, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc chưa thanh toán là: 195.850.000 đồng. Theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Hợp đồng tín dụng, ông A, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần và tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết. Việc vi phạm của bị đơn trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Hiện nay, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không liên hệ được với vợ chồng ông A, bà T và không kiểm soát được chiếc xe ô tô là tài sản thế chấp. Do vậy, việc nguyên đơn yêu cầu thu hồi nợ trước hạn và buộc phía bị đơn thanh toán ngay số tiền nợ gốc là là: 195.850.000 đồng hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 6 của Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 0232/16/HĐTDTDH-CN/068 ngày 15/01/2016 về thu hồi trước hạn.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn - ông Trần A, bà Lê Thị T thanh toán nợ lãi tính đến ngày 20/5/2021 số tiền là: 120.745.335 đồng, gồm: Lãi trong hạn: 49.835.524 đồng; Lãi quá hạn: 70.909.811 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Khi ký Hợp đồng tín dụng, các bên đã thỏa thuận cụ thể về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và các kỳ hạn trả nợ trong hợp đồng tín dụng và trong khế ước nhận nợ, nhưng vợ chồng ông A, bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo đúng nội dung mà các bên đã thỏa thuận. Vì vậy, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay của bị đơn sang nợ quá hạn Xem xét thời gian tính lãi, mức lãi suất mà Ngân hàng đã áp dụng là phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 0232/16/HĐTDTDH-CN/068 ngày 15/01/2016 và Khế ước nhận nợ số 0232/16/HĐTDTDH-CN/068-ĐNGN-KUNN/01 ngày 15/01/2016, đồng thời

cũng phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Trần A, bà Lê Thị T thanh toán nợ lãi tính đến ngày 20/5/2021 số tiền là: 120.745.335 đồng, gồm: Lãi trong hạn: 49.835.524 đồng; Lãi quá hạn: 70.909.811 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa trả theo lãi suất do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi trả xong nợ kể từ ngày 21/5/2021. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng nên chấp nhận.

Người đại diện của Nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A trong trường hợp ông Trần A, bà Lê Thị T không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đủ số nợ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng đã quy định về biện pháp bảo đảm tiền vay, tài sản bảo đảm được mô tả chi tiết tại Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0205/16/HĐBĐ-068 ngày 15/01/2016 với Ngân hàng. Nội dung của hợp đồng là ông Ân, bà Thúy đồng ý thế chấp chiếc xe ô tô biển số 51F-581.36, nhãn hiệu HUYNDAI, số loại Grand, số máy G3LAFM422148, số khung MALA851ABGM344682, thuộc quyền sở hữu của ông Trần A, bà Lê Thị T.

Tài sản thế chấp trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng thông báo việc kê biên ngày 16/01/2016 và được Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 15/01/2016, số đăng ký 1202815432.

Việc ký kết hợp đồng thế chấp tài sản và đăng ký giao dịch bảo đảm nêu trên của các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định tại Điều 323, Điều 342 và Điều 343 Bộ luật dân sự năm 2005 và các quy định tại Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm, Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 về đăng ký giao dịch bảo đảm. Vì vậy, theo quy định tại Điều 351 và Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005, trong trường hợp ông A, bà T không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đủ số nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi chiếc xe ô tô biển số 51F-581.36: Nhãn hiệu HUYNDAI, số loại Grand, số máy G3LAFM422148, số khung MALA851ABGM344682, thuộc quyền sở hữu của ông Trần A, bà Lê Thị T để đảm bảo thi hành án. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nợ vay, Ngân hàng yêu cầu ông A bà T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ

trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ vay cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 338 Bộ luật dân sự năm 2005.

Bị đơn ông Trần A bà Lê Thị T vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho phía bị đơn. Vì vậy, bị đơn đã tự từ bỏ quyền tranh tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi cho mình. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét cho quyền lợi của bị đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy các yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 323, Điều 338, Điều 342, 343, Điều 351 và Điều 355 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật án phí, lệ phí Tòa án số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

- Buộc ông Trần A và bà Lê Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 0232/16/HĐTDTDH-CN/068 ngày 15/01/2016 số tiền là: 316.595.335 (Ba trăm mười sáu triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm ba mươi lăm) đồng, trong đó:

+ Tiền nợ gốc là 195.850.000 đồng,

+ Tiền nợ lãi tính đến ngày 20/5/2021 số tiền là 120.745.335 đồng gồm:

- Lãi trong hạn: 49.835.524 đồng,
- Lãi quá hạn: 70.909.811 đồng.

Thời hạn thi hành: Thanh toán dứt điểm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông A, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng và trong khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi ông Trần A và bà Lê Thị T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh có nghĩa vụ hoàn trả bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 139350 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/01/2016 cho ông Trần A và bà Lê Thị T.

Trường hợp ông Trần A và bà Lê Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô biển số51F-581.36: Nhãn hiệu HUYNDAI, số loại Grand, số máy G3LAFM422148, số khung MALA851ABGM344682, thuộc quyền sở hữu của ông Trần A, bà Lê Thị T để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Số tiền phát mãi chiếc xe ô tô nêu trên nếu không đủ để thanh toán toàn bộ số nợ vay, buộc ông A, bà T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đến khi trả hết toàn bộ số nợ vay cho nguyên đơn.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 15.829.767 đồng ông Trần A, bà Lê Thị T phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.918.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0021711 ngày 10/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, ông Trần An, bà Lê Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ái Long